

Báo cáo của Hội đồng Quản trị
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

4102
CÔ
TÁCH NH
ỀM TOÁ
CHÍNH
TP. H

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 2
2. Báo cáo kiểm toán	3 - 4
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	5 -8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
- Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 24

498

VG 7
ỆM HI
VÀ T
KẾ T

509

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần thép Nam Kim (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh trình báo báo cáo này và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty cổ phần thép Nam Kim là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000055 ngày 23 tháng 12 năm 2002 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đã điều chỉnh lần thứ 5 ngày 25 tháng 12 năm 2007 và giấy phép ưu đãi đầu tư số 94/CN-UB do Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 08 tháng 8 năm 2003.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính 2008 và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Xảo Cơ	Chủ tịch
Ông Trần Tuấn Nghiệp	Thành viên
Ông Phan Văn Dũng	Thành viên
Ông Vũ Trường An	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Tuấn Nghiệp	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Trường An	Phó Tổng Giám đốc thường trực
Ông Trần Tuấn Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Ngọc Hải	Phó Tổng Giám đốc

3. Trụ sở

Văn phòng và nhà xưởng Công ty đặt tại đường N1, Cụm sản xuất An Thạnh, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

4. Các hoạt động chính

Hoạt động chính của công ty là sản xuất các loại tôn thép : Tôn mạ kẽm, tôn mạ màu và kinh doanh sắt thép các loại.

5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

6. Sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính.

7. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính kế toán (AFC) được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty.

Y
U H A N
I V A N
O A N
I M I N

8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính và đảm bảo các báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

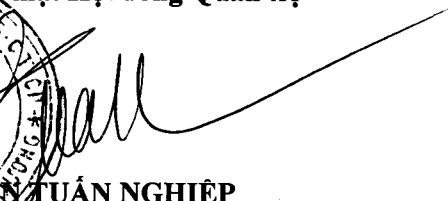
9. Hoạt động liên tục

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cam kết tìm kiếm các hình thức phù hợp như tạo được nguồn tài trợ thêm khi cần thiết và tạo lưu chuyển tiền tệ đủ để đáp ứng khả năng thanh toán đúng hạn để Công ty hoạt động bình thường trong vòng 12 tháng tới.

10. Phê duyệt của Hội đồng Quản trị

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Thay mặt Hội đồng Quản trị


TRẦN TUẤN NGHIỆP
Thành viên

Bình Dương, ngày 07 tháng 01 năm 2009

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 01 năm 2009

Số: 00169.HCM/117.08

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008
của Công ty cổ phần Thép Nam Kim

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị và Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần thép Nam Kim (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) bao gồm: bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 5 đến trang 24 kèm theo.

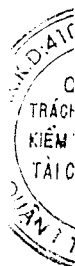
Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán. Số liệu đầu năm 2008 vào ngày 01 tháng 01 năm 2008 trên bảng cân đối kế toán và số liệu năm 2007 trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ được căn cứ vào số liệu đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác, phát hành báo cáo kiểm toán ngày 11 tháng 3 năm 2008, đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Cuộc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng cuộc kiểm toán của chúng tôi đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên phương diện trọng yếu thì Báo cáo tài chính đính kèm theo đây, đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty cổ phần Thép Nam Kim, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN (tiếp theo)

Với ý kiến chấp nhận toàn phần nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc là đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 số lỗ lũy kế của Công ty là 50.058.560.191 VND, chiếm tỷ lệ 70,41% vốn góp và các chủ đầu tư cam kết sẽ hỗ trợ tài chính cho Công ty để Công ty tiếp tục hoạt động liên tục trong 12 tháng tới. Báo cáo tài chính đính kèm được lập trên giả thuyết rằng Công ty sẽ hoạt động liên tục, trong đó ước tính giá trị thực của tài sản và khả năng thanh toán của các khoản nợ phải trả trong hoạt động kinh doanh thông thường. Như được trình bày chi tiết tại phần 7.2 của Thuyết minh báo cáo tài chính, khoản nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn sẽ ảnh hưởng đến tình hình tài chính và khả năng thanh toán của Công ty. Báo cáo tài chính này không bao gồm những khoản điều chỉnh có thể xảy ra nếu Công ty không thể tiếp tục hoạt động liên tục.



Vũ Thị Thọ
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số Đ.0065/KTV

TRẦN THỊ MAI HƯƠNG
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số 0417/KTV

049846
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU
HẠN VÀ TƯ
VẤN KẾ TỐ
TP. HỒ CHÍ MINH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		146.065.536.299	120.442.970.292
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	6.613.294.179	6.053.501.547
Tiền	111		6.613.294.179	6.053.501.547
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu	130	5.2	28.141.077.328	29.201.189.086
Phải thu khách hàng	131		24.227.905.451	26.430.705.164
Trả trước cho người bán	132		3.913.171.877	2.173.376.226
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ KH hợp đồng XD	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135		-	597.107.696
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.3	107.495.943.807	81.917.162.095
Hàng tồn kho	141		108.979.538.401	81.917.162.095
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.483.594.594)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.815.220.985	3.271.117.564
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	456.436.659	730.079.582
Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.196.784.326	2.242.037.982
Các khoản thuế phải thu	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	162.000.000	299.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		158.107.604.787	177.669.595.079
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		123.485.205.774	136.289.810.458
TSCĐ hữu hình	221	5.6	114.819.251.182	127.448.352.884
- Nguyên giá	222		159.621.571.132	159.605.389.132
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(44.802.319.950)	(32.157.036.248)
TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
TSCĐ vô hình	227	5.7	8.665.954.592	8.841.457.574
- Nguyên giá	228		9.454.794.869	9.430.617.869
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(788.840.277)	(589.160.295)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		12.693.981.639	13.947.505.839
Đầu tư vào công ty con	251	5.8	12.693.981.639	13.947.505.839
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		21.928.417.374	27.432.278.782
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	21.928.417.374	27.432.278.782
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		304.173.141.086	298.112.565.371

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

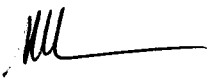
Đơn vị tính : VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
NỢ PHẢI TRẢ	300		283.131.701.277	281.877.086.500
Nợ ngắn hạn	310		229.845.337.363	216.355.181.276
Vay và nợ ngắn hạn	311	5.10	104.191.436.915	110.977.375.505
Phải trả cho người bán	312	5.11	124.088.142.790	101.009.004.551
Người mua trả tiền trước	313		-	363.056
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	5.12	13.310.441	9.418.295
Phải trả người lao động	315		-	-
Chi phí phải trả	316	5.13	550.177.729	423.129.521
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng XD	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	5.14	1.002.269.488	3.935.890.348
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Nợ dài hạn	330		53.286.363.914	65.521.905.224
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333	5.15	108.624.382	1.323.852.129
Vay và nợ dài hạn	334	5.16	53.177.739.532	64.198.053.095
Thuế thu nhận hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		21.041.439.809	16.235.478.871
Vốn chủ sở hữu	410		21.041.439.809	16.235.478.871
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.17	71.100.000.000	71.100.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420	5.18	(50.058.560.191)	(54.864.521.129)
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		304.173.141.086	298.112.565.371

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2008

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
Ngoại tệ các loại (USD)		40.171,26	715,72
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

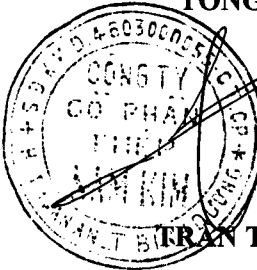
KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ HUỆ

Bình Dương, ngày 07 tháng 01 năm 2009

TỔNG GIÁM ĐỐC





TRẦN TUẤN NGHIỆP

1020
CÔNG
CHÍNH
TOÁN
CHÍNH
PHỒ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : VND

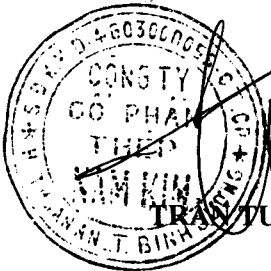
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
Tổng doanh thu	01		492.432.659.365	394.270.860.340
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		3.222.168.511	3.641.306.236
Doanh thu thuần	10	6.1	489.210.490.854	390.629.554.104
Giá vốn hàng bán	11	6.2	449.237.185.538	362.963.516.228
Lợi nhuận gộp	20		39.973.305.316	27.666.037.876
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	127.164.649	991.622.037
Chi phí tài chính	22	6.4	26.026.965.992	15.486.413.852
- Trong đó: lãi vay	23		21.668.608.728	-
Chi phí bán hàng	24		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	9.011.416.342	8.988.030.312
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		5.062.087.631	4.183.215.749
Thu nhập khác	31		64.639.631	1.010.760.938
Chi phí khác	32		833.265	1.525.010
Lợi nhuận khác	40		63.806.366	1.009.235.928
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.125.893.997	5.192.451.677
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.125.893.997	5.192.451.677
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ			71.100	71.100
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		6.7	72.094	73.030

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ HUỆ

Bình Dương, ngày 07 tháng 01 năm 2009

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN TUẤN NGHIỆP

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2008	Năm 2007
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	5.125.893.997	5.192.451.677
Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	12.844.963.684	13.441.827.041
- Các khoản dự phòng	03	1.483.594.594	-
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	3.194.660.937	56.291.616
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	-	(103.033.251)
- Chi phí lãi vay	06	21.668.608.728	13.943.502.220
Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	44.317.721.940	32.531.039.303
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	242.365.414	1.046.476.036
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(27.062.376.306)	(25.213.274.559)
- Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	18.933.818.722	8.039.535.860
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	5.777.504.331	(10.888.160.411)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(21.541.560.520)	(13.520.372.699)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	50.166.046.758	91.699.297.366
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(50.485.979.817)	(91.184.987.415)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	20.347.540.522	(7.490.446.519)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(40.359.000)	(4.594.186.252)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(246.475.800)	(287.574.600)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.500.000.000	925.200.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	103.033.251
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.213.165.200	(3.853.527.601)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	2.100.000.000
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	274.765.765.685	287.805.312.166
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(295.766.678.775)	(273.673.828.535)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(21.000.913.090)	16.231.483.631
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	559.792.632	4.887.509.511
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	6.053.501.547	1.167.833.563
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(1.841.527)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	6.613.294.179	6.053.501.547

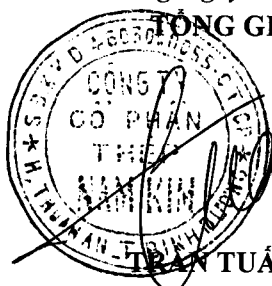
KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ HUỆ

Bình Dương, ngày 07 tháng 01 năm 2009

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN TUẤN NGHIỆP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty cổ phần thép Nam Kim là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000055 ngày 23 tháng 12 năm 2002 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đã điều chỉnh lần thứ 5 ngày 25 tháng 12 năm 2007 và giấy phép ưu đãi đầu tư số 94/CN-UB do Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 08 tháng 8 năm 2003.

Văn phòng và nhà xưởng Công ty đặt tại đường N1, Cụm sản xuất An Thạnh, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Hoạt động chính của công ty là sản xuất các loại tôn thép : Tôn mạ kẽm, tôn mạ màu và kinh doanh sắt thép các loại.

Tổng số công nhân viên của Công ty là 134 người.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

4.1 Quy ước kế toán chung

Các báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng một cách nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong năm khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch tại ngày phát sinh nghiệp vụ kinh tế. Lãi (lỗ) do chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ trên được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trong kỳ.

Các tài sản và công nợ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập Bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại sẽ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trong kỳ.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ :

- Thành phẩm tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh;
- Nguyên vật liệu tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho :

- Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
- Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

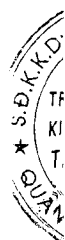
4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	7 năm
Máy móc thiết bị sản xuất	Từ 2 đến 8 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Từ 6 đến 7 năm
Thiết bị quản lý	Từ 3 đến 7 năm



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

4.7 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Giá trị quyền sử dụng đất được ghi nhận trong khoản mục tài sản cố định vô hình là khoản chi phí mà Công ty đã chi trả để đền bù giải tỏa mặt bằng với diện tích là 42.545 m² theo hợp đồng đền bù giải phóng mặt bằng và đầu tư cơ sở hạ tầng tại cụm sản xuất An Thạnh số 3/HĐĐB ngày 14 tháng 01 năm 2003. Và chi phí này được khấu hao theo thời gian thuê đất là 49 năm.

Phần mềm kế toán

Phần mềm kế toán được ghi nhận theo giá gốc và được khấu hao trong thời gian 5 năm.

4.8 Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

4.9 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận vào chi phí phát sinh nhưng thực tế chưa chi trả trong kỳ này và phải được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

4.10 Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

4.11 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% lợi nhuận thu được hàng năm.

Theo giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 94/CN-UB do UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 08 tháng 8 năm 2003, Công ty được miễn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ khi kinh doanh có lãi và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 04 năm tiếp theo.

4.12 Số liệu so sánh

Số liệu đầu năm (01/01/2008) trên bảng cân đối kế toán cũng như số liệu năm 2007 trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác.

1020
CÔNG
SÁCH NH
TÍNH TOÁN
TÀI CHÍNH
TP.H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền**

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Tiền mặt – VND	308.330.406	1.104.857.525
Tiền gửi ngân hàng – VND	5.619.293.238	4.937.110.910
Tiền gửi ngân hàng – USD	685.670.535	11.533.112
	6.613.294.179	6.053.501.547

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, số dư tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ là 40.171,26 USD.

5.2 Các khoản phải thu ngắn hạn

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Phải thu khách hàng	24.227.905.451 (a)	26.430.705.164
Ứng trước cho nhà cung cấp	3.913.171.877 (b)	2.173.376.226
Phải thu khác	-	597.107.696
	28.141.077.328	29.201.189.086

(a) Chi tiết các khoản phải thu khách hàng bao gồm :

	31/12/2008
	VND
DNTN Kim loại màu Kim Thành Phát	2.176.773.900
Công ty TNHH TM DV Lộc Mỹ	144.702.829
Công ty TNHH TM DV Nghiệp Quyền	11.626.536.805
Công ty cổ phần Hữu Liên Á Châu (công ty liên kết)	4.136.697.591
Công ty cổ phần Nam Hà Việt	928.009.127
Công ty Thiên Lộc	606.876.014
Công ty TNHH Thăng Thanh	339.958.108
Tang Meng Rath Co., Ltd	1.396.467.768
Khác	2.871.883.309
Cộng	21.356.022.142

(b) Đây là khoản ứng trước cho nhà cung cấp dịch vụ cho Công ty.

	31/12/2008
	VND
Ông Tui Tien Shui – cung cấp dịch vụ tư vấn kỹ thuật (163.000,00 USD)	2.767.251.000
Providential Capital – cung cấp dịch vụ tư vấn (10.000,00 USD)	169.770.000
Kim & Lee Corporation – cung cấp dịch vụ kiểm toán (54.000,00 USD)	916.758.000
Nhà cung cấp khác	59.392.877
Cộng	3.913.171.877

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

5.3 Hàng tồn kho

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Nguyên vật liệu	32.750.806.831	15.301.530.677
Công cụ, dụng cụ	1.201.969.222	1.279.271.889
Sản phẩm dở dang	242.081	714.675
Thành phẩm	75.026.520.267	65.335.644.854
	108.979.538.401	81.917.162.095
Trừ : Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.483.594.594)	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được	107.495.943.807	81.917.162.095

Giá trị nguyên vật liệu và thành phẩm tồn kho được dùng để đảm bảo cho các khoản vay.

5.4 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Suất ăn giữa ca	54.858	1.616.440
Phụ tùng thay thế	110.483.953	210.793.863
Chi phí bảo hiểm	99.834.323	100.594.695
Chi phí quảng cáo	246.063.525	337.803.184
Chi phí trả trước khác	-	79.271.400
	456.436.659	730.079.582

5.5 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Tạm ứng cho công nhân viên	161.000.000	298.000.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.000.000	1.000.000
	162.000.000	299.000.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

5.6 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị sản xuất VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
01/01/2008	26.362.404.384	130.862.759.921	1.064.011.117	1.071.580.791	244.632.919	159.605.389.132
- Mua trong kỳ	-	-	-	16.182.000	-	16.182.000
- Thanh lý	-	-	-	-	-	-
31/12/2008	26.362.404.384	130.862.759.921	1.064.011.117	1.087.762.791	244.632.919	159.621.571.132
Khấu hao lũy kế						
01/01/2008	3.646.527.109	27.245.756.493	414.332.450	698.540.289	151.879.907	32.157.036.248
- Khấu hao trong kỳ	1.196.382.708	11.092.786.772	106.401.108	203.483.640	46.229.474	12.645.283.702
- Thanh lý	-	-	-	-	-	-
31/12/2008	4.842.909.817	38.338.543.265	520.733.558	902.023.929	198.109.381	44.802.319.950
Giá trị còn lại						
01/01/2008	22.715.877.275	103.617.003.428	649.678.667	373.040.502	92.753.012	127.448.352.884
31/12/2008	21.519.494.567	92.524.216.656	543.277.559	185.738.862	46.523.538	114.819.251.182

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 387.648.880 VND.

Giá trị nhà cửa vật kiến trúc và máy móc thiết bị được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay dài hạn.

5.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá			
Số dư 01/01/2008	9.410.617.869	20.000.000	9.430.617.869
- Mua trong kỳ	-	24.177.000	24.177.000
- Giảm khác	-	-	-
Số dư 31/12/2008	9.410.617.869	44.177.000	9.454.794.869
Khấu hao lũy kế			
Số dư 01/01/2008	576.160.272	13.000.023	589.160.295
- Khấu hao trong kỳ	192.053.424	7.626.558	199.679.982
- Giảm khác	-	-	-
Số dư 31/12/2008	768.213.696	20.626.581	788.840.277
Giá trị còn lại			
Vào ngày 01/01/2008	8.834.457.597	6.999.977	8.841.457.574
Vào ngày 31/12/2008	8.642.404.173	23.550.419	8.665.954.592

Giá trị quyền sử dụng đất được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

5.8 Đầu tư vào công ty con

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	12.693.981.639	13.947.505.839

Đây là khoản đầu tư vào Công ty Liên doanh Thép Nam Kim tại khu công nghiệp Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng. Công ty Liên doanh Thép Nam Kim hoạt động theo hợp đồng liên doanh giữa công ty Cổ phần Thép Nam Kim và Ông Su Van Dang (Quốc tịch Hoa Kỳ) theo giấy phép đầu tư số 27/GP-KCN-DNg ngày 18 tháng 12 năm 2003 do Ban quản lý các khu Công nghiệp và chế xuất Đà Nẵng cấp, với vốn pháp định là 4.800.000 USD và vốn đầu tư là 16.000.000 USD. Trong đó, công ty Cổ phần Thép Nam Kim nắm giữ 80% vốn pháp định, tương đương với 3.840.000 USD. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2008, Công ty đã góp được 14.193.981.639 VND, là các chi phí thuê đất, xây dựng nhà xưởng và lương cho nhân viên bảo vệ.

Đến cuối năm 2008, Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết định chuyển nhượng dự án liên doanh Nam Kim Đà Nẵng theo hợp đồng thỏa thuận đền bù tài sản trên đất với giá trị hợp đồng chuyển nhượng là 18,56 tỷ VND (bao gồm thuế giá trị gia tăng).

5.9 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Chi phí trước thành lập	342.271.990	1.900.350.418
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	21.899.207	11.141.775
Chi phí xuất bể kẽm chờ phân bổ	18.793.526.012	22.750.066.424
Lãi vay được vốn hóa của hoạt động đầu tư góp vốn liên doanh (Nam Kim Đà Nẵng)	2.770.720.165	2.770.720.165
Cộng	21.928.417.374	27.432.278.782

5.10 Vay ngắn hạn

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Vay Ngân hàng Đầu tư và phát triển - VND	40.632.496.815 (a)	43.498.037.505
Vay Ngân hàng Đông Á - VND	21.800.000.000 (b.1)	46.960.000.000
Vay Ngân hàng Đông Á - USD	30.750.440.100 (b.2)	9.942.338.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	11.008.500.000 (c)	10.577.000.000
	104.191.436.915	110.977.375.505

(a) Đây là khoản vay ngân hàng Đầu Tư và Phát triển – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 00310/2008/0001098 ngày 12/12/2008 với hạn mức tín dụng là 46 tỷ VND để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay là 6 tháng cho từng lần rút vốn, lãi suất vay được quy định trong từng hợp đồng vay ngắn hạn cụ thể (lãi suất vay trong kỳ từ 11%/năm đến 21%/năm). Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản của bên vay.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

5.11 Vay ngắn hạn (tiếp theo)

(b.1) Khoản vay Ngân hàng Đông Á bằng VND, chi tiết như sau :

Hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Thời hạn (tháng)	Lãi suất (năm)	Ngày đáo hạn	Số dư 31/12/2008
H4094/1	2.300.000.000	6	16.50%	14/02/2009	2.300.000.000
H4110/1	1.000.000.000	6	16.50%	27/02/2009	1.000.000.000
H4143/1	2.200.000.000	6	16.50%	30/03/2009	2.200.000.000
H4155/1	2.900.000.000	6	16.50%	15/04/2009	2.900.000.000
H4157/1	7.400.000.000	6	16.50%	22/04/2009	7.400.000.000
H4184/1	6.000.000.000	6	16.50%	25/05/2009	6.000.000.000
	21.800.000.000				21.800.000.000

(b.2) Khoản vay Ngân hàng Đông Á bằng USD, chi tiết như sau :

Hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Thời hạn (tháng)	Lãi suất (năm)	Ngày đáo hạn	Số dư 31/12/2008
H5602/3	466.000,00	6	11,50%	09/03/2009	466.000,00
H5633/3	308.000,00	6	11,50%	08/04/2009	308.000,00
H5640/3	785.000,00	6	11,00%	13/04/2009	785.000,00
H5701/3	177.500,00	6	9,00%	11/06/2009	177.500,00
H5719/3	74.800,00	6	8,50%	26/06/2009	74.800,00
	1.811.300,00				1.811.300,00
				Quy VND	30.750.440.100

Các khoản vay trên đều được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(c) Chi tiết khoản nợ dài hạn đến hạn trả như sau (xem thêm tại mục 5.16 dưới đây) :

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Vay dài hạn đến hạn - BIDV - VND	2.520.000.000	2.520.000.000
Vay dài hạn đến hạn - BIDV - USD	8.488.500.000	8.057.000.000
Cộng	11.008.500.000	10.577.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

5.11 Phải trả người bán

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Phải trả cho người bán	124.088.142.790	101.009.004.551

Đây là khoản phải trả người bán cung cấp nguyên liệu, chi tiết như sau :

	31/12/2008
	VND
Công ty TNHH Thép Việt Nga	80.482.608.405
Công ty cổ phần Hữu Liên Á Châu (công ty liên kết)	8.876.100.870
Công ty cổ phần Thép Cửu Long	4.901.292.383
Công ty CP XNK Vật tư kỹ thuật (Rexco)	1.000.000.000
Công ty TNHH Yung Chi Paint & Varnish MFG (VN)	3.777.643.738
Hợp tác xã cơ khí 2/9	2.916.814.320
Foshan Gaoming Foundation Cold Rolled (760.717,81 USD)	12.914.706.260
Asia United International Trading Limited (320.583,70 USD)	5.442.549.475
Posco Engineering & Contractor (25.719,00 USD)	436.631.463
Nhà cung cấp khác	3.339.795.876
Cộng	<u>124.088.142.790</u>

**5.12 Thuế phải nộp**

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	13.310.441	9.418.295

5.13 Chi phí phải trả

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Lãi vay ngân hàng	550.177.729	423.129.521

5.14 Phải trả khác

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	-	15.236.280
Bảo hiểm xã hội	217.200	1.095.600
Mượn tiền cổ đông	900.000.000	900.000.000
Mượn hàng Công ty Hữu Liên Á Châu	-	2.917.506.180
Thuế nhà thầu phải nộp khi thanh toán cho Công ty Posco Engineering & Constructor	85.517.419	85.517.419
Phải trả khác	16.534.869	16.534.869
	<u>1.002.269.488</u>	<u>3.935.890.348</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

5.15 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Nhận ký quỹ của khách hàng	108.624.382	1.323.852.129

5.16 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Vay hợp vốn - VND	7.499.002.416 (a)	10.019.002.416
Vay hợp vốn - USD	48.155.987.116 (a)	53.765.050.679
Vay Ngân hàng Đầu tư và phát triển - VND	1.441.000.000 (b)	1.441.000.000
Vay dài hạn Ông Hồ Minh Quang - VND	7.090.250.000	-
Vay dài hạn Ông Đặng Phước Dừa - VND	-	1.500.000.000
Vay dài hạn công ty Hữu Liên Á Châu - VND	-	8.050.000.000
Trừ : Nợ dài hạn đến hạn trả	(11.008.500.000)	(10.577.000.000)
Cộng	53.177.739.532	64.198.053.095

- (a) 7.499.002.416 VND và 2.836.542,80 USD (tương đương với 48.155.987.116 VND) là khoản vay hợp vốn từ các Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN. TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – CN. Bình Tây, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – CN. Sài Gòn, Ngân hàng liên doanh Lào Việt – CN. TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng liên doanh Lào Việt – CN. Hà Nội, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN. Sài Gòn, Ngân hàng TMCP VID Public – CN. TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch II với đại diện bên cho vay là Ngân hàng Đầu tư & Phát triển – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất tôn tráng kẽm, tôn mạ màu theo hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/03/HĐ ngày 25 tháng 7 năm 2003, phụ lục điều chỉnh bổ sung số 2 ngày 31 tháng 1 năm 2007, hạn mức tín dụng là 17.025.000.000 VND hoặc 4.917.800,00 USD, thời hạn vay là 90 tháng từ 25 tháng 1 năm 2005, được đảm bảo bằng tài sản của Công ty và tài sản hình thành từ vốn vay.

Theo lịch trả nợ, nợ dài hạn đến hạn trả là 2.000.000.000 VND và 800.000,00 USD (tương đương 8.488.500.000 VND).

- (b) 1.441.000.000 VND là khoản vay ngân hàng Đầu tư & Phát triển – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đầu tư chiều sâu thay thế bể kẽm theo hợp đồng tín dụng trung hạn số 00310/2007/0001816 ngày 27 tháng 8 năm 2007, phụ lục sửa đổi bổ sung số 01 ngày 20 tháng 6 năm 2008, hạn mức tín dụng là 1.961.000.000 VND, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày 27 tháng 8 năm 2007, được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Theo lịch trả nợ, nợ dài hạn đến hạn trả là 520.000.000 VND.

- (c) Khoản vay Ông Hồ Minh Quang theo hợp đồng vay vốn số 7/HĐ/06088 ngày 19 tháng 12 năm 2008, 7/HĐ/06091 ngày 23 tháng 12 năm 2008 và 7/HĐ/06094 ngày 26 tháng 12 năm 2008, thời hạn vay đều là 24 tháng kể từ ngày nhận tiền vay, lãi suất vay là 1%/tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

5.17 Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000055 điều chỉnh lần thứ 4 ngày 11 tháng 9 năm 2007 do Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn điều lệ của công ty là 71,1 tỷ VND. Đến 31 tháng 12 năm 2008, vốn đầu tư của chủ sở hữu đã góp được là 71,1 tỷ VND, tình hình biến động vốn đầu tư của chủ sở hữu được thể hiện như sau :

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	71.100.000.000	69.000.000.000
Tăng trong kỳ	-	2.100.000.000
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	71.100.000.000	71.100.000.000

Chi tiết vốn góp của các cổ đông như sau

	%	VND
Ông Trần Xảo Cơ	32,35%	23.000.000.000
Ông Phan Văn Dũng	22,50%	16.000.000.000
Ông Trần Tuấn Nghiệp	23,07%	16.400.000.000
Ông Vũ Trường An	22,08%	15.700.000.000
	100,00%	71.100.000.000

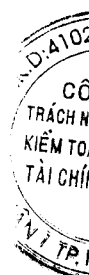
Cổ phiếu

	Năm 2008	Năm 2007
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	71.100	71.100
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng		
+ Cổ phiếu thường	71.100	71.100
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu thường	71.100	71.100
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu là 1.000.000 đồng/cổ phiếu.

5.18 Lợi nhuận chưa phân phối

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ	(54.864.521.129)	(61.282.159.173)
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	5.125.893.997	5.192.451.677
Điều chỉnh theo quyết toán thuế	-	1.441.611.456
Trừ :		
- Chi lương thưởng và du lịch	(319.933.059)	(216.425.089)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	(50.058.560.191)	(54.864.521.129)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu**

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>		
Doanh thu bán hàng nội địa	463.041.853.690	394.270.860.340
Doanh thu xuất khẩu	19.917.817.315	-
Doanh thu bán nguyên liệu	9.472.988.360	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	(3.222.168.511)	(3.641.306.236)
Doanh thu thuần	489.210.490.854	390.629.554.104

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Giá vốn bán thành phẩm	437.369.846.154	362.963.516.228
Giá vốn nguyên liệu	10.383.744.790	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.483.594.594	-
	449.237.185.538	362.963.516.228

6.3 Doanh thu tài chính

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	94.522.186	47.433.251
Lãi chênh lệch tỷ giá	21.471.672	888.188.819
Khác	11.170.791	55.600.000
	127.164.649	991.222.070

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Chi phí lãi vay	21.668.608.728	13.943.502.220
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.079.880.886	805.584.165
Lãi trả chậm	278.476.378	737.327.467
	26.026.965.992	15.486.413.852

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

6.5 Chi phí quản lý

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.385.100.555	2.258.122.297
Chi phí vật liệu quản lý	-	67.478.508
Chi phí đồ dùng quản lý	50.459.904	2.522.812.326
Chi phí khấu hao	1.687.165.536	1.696.172.218
Thuế, phí, lệ phí	49.385.156	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.702.631.196	-
Chi phí dự phòng trợ cấp thôi việc	-	-
Chi phí bằng tiền khác	3.136.673.995	2.443.444.963
	9.011.416.342	8.988.030.312

6.6 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”)

Trong năm 2008, Công ty được miễn thuế TNDN vì đây là năm thứ 2 kinh doanh có lãi do đó không có khoản dự trừ thuế TNDN nào được lập.

6.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	5.125.893.997	5.192.451.677
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.125.893.997	5.192.451.677
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	71.100	71.100
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	72.094	73.030

5/11
Y
HAN
VĂN
ẤN
MINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**7.1 Các nghiệp vụ với các bên liên quan**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ chủ yếu với các công ty liên kết như sau :

<i>Công ty liên kết</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị bán (mua)</i> <i>VND</i>
Công ty cổ phần Hữu Liên Á Châu	- Bán tôn mạ màu	76.591.421.872
	- Mua tôn nguyên liệu	(92.073.066.451)
	- Mua tôn mạ kẽm	(5.536.284.436)
	- Mua tôn mạ màu	(2.037.458.133)

Vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán, các khoản phải thu/(phải trả) với các công ty liên hệ được thể hiện như sau :

		<i>Số tiền</i> <i>phải thu/(phải trả)</i> <i>VND</i>
Công ty cổ phần Hữu Liên Á Châu	Phải thu	4.136.697.591
	Phải trả	(8.876.100.870)

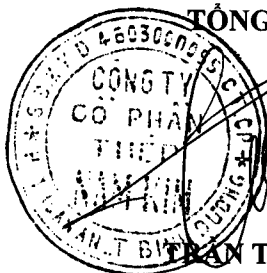
7.2 Xem xét tính hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính đính kèm được lập trên giả thuyết rằng Công ty sẽ hoạt động liên tục, trong đó ước tính giá trị thực của tài sản và khả năng thanh toán của các khoản nợ phải trả trong hoạt động kinh doanh bình thường của Công ty. Như được trình bày trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 :

- Khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 50.058.560.191 VND, chiếm tỷ lệ 70,41% vốn góp; và
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, khoản nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 83.779.801.064 VND.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cam kết tìm kiếm các hình thức phù hợp như tạo được nguồn tài trợ thêm khi cần thiết và tạo lưu chuyển tiền tệ đủ để đáp ứng khả năng thanh toán đúng hạn để Công ty hoạt động bình thường trong vòng 12 tháng tới.

Bình Dương, ngày 07 tháng 01 năm 2009

KẾ TOÁN TRƯỞNG**NGUYỄN THỊ HUỆ****TỔNG GIÁM ĐỐC****TRẦN TUẤN NGHIỆP**

